| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ LỘC**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 26/2023/DS-ST
Ngày: 27 - 6 - 2023.
*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Nhân Phái và ông Huỳnh Văn Vy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thể, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trần Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-DS, ngày 01/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Trụ sở chính: Số B, đường L. Địa chỉ chi nhánh P: Số G, đường L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đ, chức vụ: Giám đốc chi nhánh huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019).

Ông Đ có văn bản ủy quyền cho ông Trần Ngọc B, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền số 03/NHNoPL/UQ ngày 15/02/2023). Ông B, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T1 (T2), sinh năm 1954 và bà Trần Thị H, sinh năm 1949. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2022, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 02/12/2014, Ngân hàng N chi nhánh P (gọi tắt là ngân hàng) và ông Nguyễn Duy T1 và bà Trần Thị H có kí kết hợp đồng tín dụng (viết tắt là HĐTD) số 4005LAV201404214 cho ông T1 và bà H vay số tiền 48.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng, mục đích vay: Chăn nuôi trâu. Đến ngày 04/12/2017, ông T1 và bà H không thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng tín dụng, không trả tiền gốc và tiền lãi định kỳ theo cam kết. Phía ngân hàng đã thông báo và làm việc rất nhiều lần với ông T1 và bà

H bằng các biên bản làm việc, giấy mời để yêu cầu giải quyết trả nợ gốc và lãi nêu trên nhưng ông T1 và bà H vẫn không trả nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 27/6/2023, ông T1 và bà H đã trả được tiền gốc là: 6.500.000 đồng; Số tiền gốc còn nợ: 41.500.000 đồng; số tiền lãi đã trả được: 3.186.666 đồng; số tiền lãi chưa trả: 48.957.945đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 36.408.493 đồng; lãi quá hạn: 12.549.452 đồng. Tổng cộng số tiền ông T1 và bà H còn nợ là: 90.457.945 đồng.

Do đó phía Ngân hàng N đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế buộc ông Nguyễn Duy T1 và bà Trần Thị H phải thanh toán khoản nợ đến thời điểm 27/6/2023: là 90.457.945đ, trong đó: tiền gốc là 41.500.000 đồng; tiền lãi 48.957.945đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 36.408.493đồng; lãi quá hạn: 12.549.452đồng khoản lãi phát sinh từ ngày 28/6/2023 theo hợp đồng cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Bị đơn là bà Trần Thị H trình bày: Bà và chồng bà là Nguyễn Duy T1 có vay ngân hàng N số tiền 48.000.000đ. Bà và ông T1 đã trả được 6.500.000đ, còn tiền gốc 41.500.000đ và tiền lãi phát sinh như ngân hàng trình bày thì bà cũng đồng ý. Tuy nhiên, do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà H đề nghị Tòa án gia hạn 02 tháng nữa để ông bà gom tiền rồi trả cho ngân hàng. Đối với ông T1 đã biết việc ngân hàng khởi kiện đòi nợ, thông báo hòa giải. Tuy nhiên, do ông T1 đi làm ăn nên không thể đến Tòa án tham gia các phiên họp và hòa giải. Ông T1 cũng đồng ý trả nợ nhưng chưa có tiền đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ 2, bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong vụ án dân sự như sau:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, còn trong thời hiệu khởi kiện, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng; quá trình xác minh, thu thập chứng cứ cũng như việc xét xử tại phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn cản trở nên cần xét xử theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Duy T1 và bà Trần Thị H trả cho Ngân hàng N, chi nhánh P số tiền 90.457.945đ, trong đó, tiền gốc 41.500.000đồng, số tiền lãi: 48.957.945đồng, trong đó lãi trong hạn: 36.408.493đồng, lãi quá hạn: 12.549.452đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 28/6/2023 theo hợp đồng cho đến khi trả xong các khoản nợ. Về án phí: Ông T1 và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bà H và ông T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để

xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số: 4005LAV201404214 ký kết ngày 02/12/2014, thời hạn vay: 36 tháng, quá hạn trả nợ ngày 05/12/2017, mục đích vay: Chăn nuôi trâu giữa bên cho vay là Ngân hàng N chi nhánh P và bên vay ông Nguyễn Duy T1 và bà Trần Thị H được ký kết có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 298, 385, 398 và 463 của Bộ luật Dân sự2015, các Điều 90, 91 và điểm a, khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụngnên hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng N chi nhánh P thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã tiến hành giải ngân khoản vay, ông T1 và bà H đã nhận tiền theo giấy nhận nợ và các chứng từ giao dịch. Quá trình trả nợ, ông T1 và bà H chỉ trả được 6.500.000đ tiền gốc, (tính đến ngày 27/6/2023). Từ ngày 04/12/2017 đến nay, ông T1 và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn nên đã vi phạm về thời hạn trả nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N chi nhánh P buộc ông T1 và bà H phải thanh toán các khoản nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 27/6/2023) 90.457.945đ, trong đó, tiền gốc 41.500.000đồng, số tiền lãi: 48.957.945đồng, trong đó lãi trong hạn: 36.408.493đồng, lãi quá hạn: 12.549.452đồng và các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả xong các khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc ông T1 và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng N, chi nhánh P.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 289, Điều 385 và Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 90, 91 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Nguyễn Duy T1 và bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng N chi nhánh P số tiền 90.457.945đ, trong đó, tiền gốc 41.500.000đồng, số tiền lãi: 48.957.945đồng, trong đó lãi trong hạn: 36.408.493đồng, lãi quá hạn: 12.549.452đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Duy T1 và bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà ông Nguyễn Duy T1 và bà Trần Thị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Duy T1 và bà Trần Thị H phải chịu 4.522.897đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N chi nhánh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng N chi nhánh P số tiền 2.208.920đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số AA/2021/0004226 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh;
- VKSND Phú Lộc;
- THADS Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Trần Thị Phương Thảo**